

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 6 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Việt Khái.

Bà Phạm Hồng Ân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Võ Việt Trung - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phương L1, sinh năm 1993 (xin vắng mặt).

Cư trú: Ấp T, xã X, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L2, sinh năm 1990 (xin vắng mặt).

Cư trú: Ấp L, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/3/2022, các văn bản kèm theo bà Nguyễn Thị Phương L1 trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2013, bà và ông Nguyễn Văn L2 kết hôn và chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì bà L1 và ông L2 phát sinh nhiều mâu thuẫn trong lối sống, bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi, ông L2 không quan tâm đến gia đình, còn đánh đập bà nhiều lần, hai bên có hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được, bà và ông L2 không còn chung sống với nhau từ tháng 12 năm 2020 cho đến nay. Bà L1 xác định là ông không còn tình cảm dành cho ông L2. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên bà L1 không thể đoàn tụ gia đình với ông L2, nay bà cương quyết ly hôn với ông L2 và yêu cầu Tòa án xét xử cho bà ly hôn ông Nguyễn Văn L2.

Về con chung: Có một người con chung tên Nguyễn Quỳnh Kim N, sinh ngày 26/4/2013, hiện tại người con do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được nuôi người con chung không yêu cầu ông L2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc làm ăn xa nên việc đi lại khó khăn, bà Nguyễn Thị Phương L1 xin vắng mặt tham gia tố tụng và không có ý kiến gì khác.

Tại Biên bản làm việc ngày 10/5/2022 ông Nguyễn Văn L2 trình bày:

Ông Nguyễn Văn L2 thống nhất phần trình bày của bà Nguyễn Thị Phương L1 về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung, đồng thời ông thống nhất tất cả các yêu cầu của bà L1. Do cuộc sống làm ăn xa không về được đề giải quyết việc ly hôn nên ông Nguyễn Văn L2 xin vắng mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm và không có ý kiến gì khác.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, cụ thể về hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Phương L1 ly hôn với ông Nguyễn Văn L2; Về con chung: Có một người con chung tên Nguyễn Quỳnh Kim N (giới tính nữ), sinh ngày 26/4/2013, hiện tại người con chung đang do bà L1 nuôi dưỡng. Cháu Nguyễn Quỳnh Kim N có nguyện vọng sống chung cùng với bà L1 nên chấp nhận yêu cầu của bà L1 là phù hợp, ông L2 không cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có, không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn L2 và bà Nguyễn Thị Phương L1 xin vắng mặt tham gia phiên tòa. Nay căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Năm 2013, bà Nguyễn Thị Phương L1 và ông Nguyễn Văn L2 chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Bà Nguyễn Thị Phương L1 và ông Nguyễn Văn L2 xác định không còn tình cảm dành cho nhau. Cuộc sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nhận thấy, quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Phương L1 và ông Nguyễn Văn L2 đã trong tình trạng trầm trọng, đã không còn chung sống với nhau như vợ chồng mà không thể hòa giải hàn gắn được. Xét cho bà Nguyễn Thị Phương L1 ly hôn với ông Nguyễn Văn L2 là có cơ sở.

[3] Về con chung: Có một người con chung tên Nguyễn Quỳnh Kim N (giới tính nữ), sinh ngày 26/4/2013, hiện tại cháu Kim Ngân đang do bà L1 nuôi dưỡng. Mặc khác cháu Nguyễn Quỳnh Kim N có nguyện vọng sống chung cùng với bà L1 nên chấp nhận yêu cầu của bà L1 là phù hợp, bà L1 và ông L2 thỏa thuận, ông L2 không phải cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Phương L1 phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 28, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Phương L1 ly hôn với ông Nguyễn Văn L2.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Quỳnh Kim N (giới tính nữ), sinh ngày 26/4/2013 cho bà Nguyễn Thị Phương L1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn L2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn L2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Phương L1 phải chịu 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Phương L1 đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0017699 ngày 25/3/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bà Nguyễn Thị Phương L1 và ông Nguyễn Văn L2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- UBND xã Phú Mỹ,
huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Ngọc Trọng